

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, các Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 138/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Có trụ sở tại: số 89, đường L, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó giám đốc Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ. Là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/20218 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V.

Ông Đỗ Thành T quyền lợi cho: ông Nguyễn H, sinh năm 1993 – chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: số 89, đường P, Phường X, thành phố Đ, tỉnh Lâm

Đồng tham gia tố tụng tại Tòa án theo văn bản ủy quyền số 47865/2020/VPB AMCPN ngày 20/4/2020.

1.2. Bị đơn: Vợ chồng bà Ma C, sinh năm 1990 và ông Ya K, sinh năm 1982; cùng trú tại: Thôn P, xã Pr, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Ya K, bà Ma C thỏa thuận có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 1.115.771.506đ (một tỷ một trăm mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn năm trăm lẻ sáu đồng), trong đó dư nợ gốc là 1.009.763.866đ (một tỷ không trăm lẻ chín triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng), nợ lãi là 106.027.640đ (một trăm lẻ sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi nghìn).

2.2. Kể từ ngày 29/7/2020 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ ông Ya K, bà Ma C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN1904091332282/DLT/HĐCV ký ngày 10/4/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trường hợp ông Ya K, bà Ma C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán dư nợ gốc và nợ lãi phát sinh như đã nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số LN1803190564819/DLT/HĐTC/SĐBS01 ký ngày 10/04/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1803190564819/DLT/HĐTC/SĐBS01 giữa Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh thành phố D và bà Ma C ngày 10/4/2019 để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay, gồm có:

- Quyền sử dụng đất 1.254 m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 997, tờ bản đồ số 31c, tọa lạc tại xã Pr, huyện D, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CA 701039 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp cho bà Ma C ngày 27/7/2015.

2.4. Về án phí: Ông Ya K, bà Ma C thỏa thuận chịu 22.736.572đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V 16.779.000đ tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016307 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Thành Luân